

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Dân

Ông Võ Tấn Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-11-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Đoàn D, sinh năm 1996; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 04, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Tô K, sinh năm 1994; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-7-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Đoàn D trình bày:*

Chị D và anh K tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 15-6-2015. Quá trình chung sống anh, chị có một con chung tên Tô Thị Như Y, sinh ngày 16-8-2016 hiện đang sống với anh K.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân, không hàn gắn

được. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho chị được ly hôn với anh K; Về con chung chị đồng ý giao con chung cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị D đang đi làm xa nên chị đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời, chị ủy quyền cho anh Dương Phúc N, địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng được thay mặt chị nộp, nhận văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt, thông báo cho chị trong vụ án.

- *Tại đơn yêu cầu đề ngày 03-11-2020 bị đơn anh Tô K trình bày:*

Anh có biết chị Dương Đoàn D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh ở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Anh cũng thống nhất với nội dung trình bày của chị D về vấn đề hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị D; Về con chung thì anh cũng đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô Thị Như Y (sinh ngày 16-8-2016) đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện anh đang đi làm nên không có thời gian tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập, nên anh yêu cầu Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh, anh cam đoan không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyên đơn chị D có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Qua biên bản xác minh tại Công an xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện bị đơn anh Tô K có đăng ký thường trú tại ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, hiện không có mặt ở nơi cư trú do đi làm không rõ địa chỉ nhưng gia đình có thường về nhà tại địa chỉ

trên. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử sơ thẩm theo đúng quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Đoàn D và anh Tô K tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-6-2015 (vào Sổ đăng ký kết hôn số XX/2015 quyển số XX/2014) nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn thì chị D và anh K chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Qua biên bản xác minh tại địa phương nơi anh Tô K đăng ký thường trú thì Công an xã T và Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đều có ý kiến không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị D và anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ. Tuy nhiên, chị D, anh K đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử ly hôn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Chị D yêu cầu xin ly hôn và anh K cũng đồng ý là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị D và anh K đều thừa nhận anh chị có 01 con chung tên là Tô Thị Như Y, sinh ngày 16-8-2016 hiện đang sống với anh K. Chị D yêu cầu giao cháu Ý cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh K có ý kiến thống nhất với chị D về việc anh sẽ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ý và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc chị D, anh K thống nhất được về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng như trên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo lợi ích chính đáng của con và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, chấp nhận yêu cầu về con chung như trên của chị D. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh K đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Đoàn D với bị đơn anh Tô K về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Dương Đoàn D được ly hôn với anh Tô K.

- Về con chung: Giao cháu Tô Thị Như Y, sinh ngày 16-8-2016 cho anh Tô K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Dương Đoàn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Đoàn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Đoàn D và anh Tô K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Đoàn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003274 ngày 09-10-2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, H.T;
- UBND xã S, H.H (KG);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân